TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 250/2024/QĐST-HNGĐ	*, ngày 08 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 311/2024/TLST-VHNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Mạnh H1, sinh năm 1992; địa chỉ: Số A, tổ B, khu phố C, phường Hội N, thành phố T Tân U, tỉnh Bình Dương.

- Bà Võ Kim H2, sinh năm 1992; địa chỉ: Số D, khu E, tổ F, phường Hiệp T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Mạnh H1 và bà Võ Kim H2 tự nguyện kết hôn năm 2017, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hiệp T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 133 ngày 12/10/2017, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, ông H1 và bà H2 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Nay ông H1 và bà H2 xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông H1 và bà H2 vẫn giữ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, ông Trần Mạnh H1 và bà Võ Kim H2 có 01 con chung là cháu Trần Võ Minh C, sinh ngày 06/02/2018. Ông H1 và bà H2 thỏa thuận thống nhất giao cháu Trần Võ Minh C, sinh ngày 06/02/2018 cho bà H2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Mạnh H1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Trần Võ Minh C, sinh ngày 06/02/2018 với mức cấp dưỡng là 3.000.000đồng/tháng, thời gian bắt đầu thực hiện từ tháng 11/2024 cho đến khi cháu Châu đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Các đương sự phải nộp theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 31 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và bảo đảm được quyền lợi chính đáng của vợ, con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Mạnh H1 và bà Võ Kim H2 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Võ Minh C, sinh ngày 06/02/2018 cho bà Võ Kim H2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Mạnh H1 và bà Võ Kim H2 thỏa thuận ông Trần Mạnh H1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Trần Võ Minh C, sinh ngày 06/02/2018 với mức cấp dưỡng là 3.000.000đồng/tháng. Thời gian bắt đầu thực hiện từ tháng 11/2024 cho đến khi cháu Châu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Võ Kim H2 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Mạnh H1 chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng ông H1 còn phải nộp tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, ông Trần Mạnh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Trần Mạnh H1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Võ Kim H2 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của ông Trần Mạnh H1.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Trần Mạnh H1 và bà Võ Kim H2 mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên

lai thu tiền số BLTU/24-0003176 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T .

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Hiệp T;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ VDS, VT.

THẨM PHÁN

Huỳnh Ngọc Chung